

một số điều của Nghị định số 177/2013/NĐ-CP ngày 14 tháng 11 năm 2013 của Chính phủ quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số điều của Luật giá.

- Nghị định số 38/2019/NĐ-CP ngày 09 tháng 5 năm 2019 của Chính phủ quy định về mức lương cơ sở đối với cán bộ, công chức, viên chức và lực lượng vũ trang.

- Nghị định số 145/2020/NĐ-CP ngày 14 tháng 12 năm 2020 của Chính phủ quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số điều của Bộ luật Lao động về điều kiện lao động và quan hệ lao động.

- Nghị định số 43/2014/NĐ-CP ngày 15 tháng 5 năm 2014 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Đất đai; Nghị định số 148/2020/NĐ-CP ngày 18 tháng 12 năm 2020 của Chính phủ Sửa đổi, bổ sung một số nghị định quy định chi tiết thi hành Luật Đất đai.

- Nghị định số 60/2021/NĐ-CP ngày 21 tháng 6 năm 2021 của Chính phủ quy định cơ chế tự chủ tài chính của đơn vị sự nghiệp công lập.

- Thông tư liên tịch số 11/2005/TTLT-BNV-BLĐTBXH-BTC-UBND ngày 05 tháng 11 năm 2005 của Bộ trưởng Bộ Nội Vụ - Bộ Lao động Thương binh và Xã hội - Bộ Tài chính - Ủy ban Dân tộc hướng dẫn thực hiện chế độ phụ cấp khu vực;

- Thông tư số 56/2014/TT-BTC ngày 28 tháng 4 năm 2014 của Bộ trưởng Bộ Tài chính về việc hướng dẫn thực hiện Nghị định số 177/2013/NĐ-CP ngày 14 tháng 11 năm 2013 của Chính phủ quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số điều của Luật Giá;

- Thông tư số 14/2017/TT-BTNMT ngày 20 tháng 7 năm 2017 của Bộ trưởng Bộ Tài nguyên và Môi trường quy định về Định mức kinh tế - kỹ thuật đo đạc lập bản đồ địa chính, đăng ký đất đai, tài sản gắn liền với đất, lập hồ sơ địa chính, cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất;

- Thông tư số 136/2017/TT-BTC ngày 22 tháng 12 năm 2017 của Bộ trưởng Bộ Tài chính về việc quy định lập, quản lý, sử dụng kinh phí chi hoạt động kinh tế đối với các nhiệm vụ chi về tài nguyên môi trường

- Quyết định số 28/2019/QĐ-UBND ngày 16/10/2019 của Ủy ban nhân dân tỉnh Tuyên Quang ban hành Đơn giá Đo đạc lập bản đồ địa chính, đăng ký đất đai, tài sản gắn liền với đất, lập hồ sơ địa chính, cấp giấy chứng nhận quyền dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất trên địa bàn tỉnh Tuyên Quang.

- Quyết định số 90/QĐ-UBND ngày 26/01/2022 của Ủy ban nhân dân tỉnh Tuyên Quang về việc phê duyệt danh mục xây dựng quyết định quy phạm pháp luật của Ủy ban nhân dân tỉnh năm 2022.

- Một số văn bản, tài liệu có liên quan.

II. NỘI DUNG THẨM ĐỊNH (Tính hợp hiến, hợp pháp và tính thống nhất của dự thảo Quyết định với hệ thống pháp luật; sự phù hợp của nội dung dự thảo Quyết định với các quy định trong văn bản đã giao quy định chi tiết)

1. Sự cần thiết ban hành văn bản

Sở Tư pháp đã thực hiện thẩm định 01 lần đối với dự thảo Quyết định của Ủy ban nhân dân tỉnh ban hành đơn giá dịch vụ công trong lĩnh vực đất đai (không bao gồm phí và lệ phí) trên địa bàn tỉnh Tuyên Quang; căn cứ điểm c khoản 1 Điều 5 Nghị định số 43/2014/NĐ-CP ngày 15/5/2014 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Đất đai (*được sửa đổi bởi khoản 1 Điều 1 Nghị định 148/2020/NĐ-CP*) (*sau đây viết tắt là Nghị định số 43/2014/NĐ-CP*) quy định:

“Điều 5. Thực hiện dịch vụ trong lĩnh vực đất đai

1. Văn phòng đăng ký đất đai:

c) Kinh phí hoạt động của Văn phòng đăng ký đất đai thực hiện theo quy định của pháp luật đối với đơn vị sự nghiệp công lập.

Khi Văn phòng đăng ký đất đai cung cấp các dịch vụ thì người yêu cầu cung cấp dịch vụ có trách nhiệm chi trả chi phí cho việc được cung cấp dịch vụ đó. Đối với thủ tục đăng ký, cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất, người yêu cầu cung cấp dịch vụ có trách nhiệm trả phí thẩm định hồ sơ và thẩm định các điều kiện đăng ký, cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất; trả chi phí đối với các công việc còn lại của thủ tục theo giá cung cấp dịch vụ công do Ủy ban nhân dân cấp tỉnh ban hành”.

Căn cứ quy định nêu trên thì việc Sở Tài nguyên và Môi trường tham mưu cho UBND tỉnh ban hành đơn giá dịch vụ công trong lĩnh vực đất đai (*không bao gồm phí và lệ phí*) trên địa bàn tỉnh Tuyên Quang là có cơ sở.

2. Dự thảo Quyết định

2.1. Tại Điều 1, đề nghị bổ sung từ “*đơn*” và sửa thành “*Quyết định này quy định đơn Giá dịch vụ công trong lĩnh vực đất đai (không bao gồm phí và lệ phí) trên địa bàn tỉnh Tuyên Quang theo nhu cầu về thời gian, địa điểm của người yêu cầu cung cấp dịch vụ*”.

2.2. Điều 4 dự thảo Quyết định quy định thời gian thực hiện dịch vụ, tuy nhiên tại Điều 1 về phạm vi điều chỉnh không có nội dung điều chỉnh thời gian thực hiện dịch vụ; đồng thời theo điểm c khoản 1 Điều 5 Nghị định số 43/2014/NĐ-CP phân cấp cho UBND tỉnh quy định giá cung cấp dịch vụ công đối với một số dịch vụ công trong lĩnh vực đất đai, không có nội dung phân cấp quy định về thời gian thực hiện. Vì vậy, đề nghị xem xét việc quy định thời gian thực hiện dịch vụ tại Điều 4 đảm bảo phù hợp với phạm vi điều chỉnh của dự thảo

văn bản cũng như đúng theo nội dung được phân cấp tại Nghị định số 43/2014/NĐ-CP.

2.3. Điều 5 quy định đối tượng và mức miễn, giảm thu giá dịch vụ công, cụ thể:

“1. Miễn thu 100% giá dịch vụ công quy định tại khoản 1 Điều 3 của Quyết định này đối với những trường hợp sau:

a) Bà mẹ Việt Nam Anh hùng; Anh hùng Lực lượng vũ trang nhân dân, Anh hùng Lao động.

b) Thương binh, bệnh binh có tỷ lệ suy giảm khả năng lao động do thương tật, bệnh tật từ 81% trở lên.

2. Giảm mức thu giá dịch vụ công trong lĩnh vực đất đai đối với những trường hợp sau:

a) Thương binh, bệnh binh có tỷ lệ thương tật dưới 81% được giảm 50% mức giá tại khoản 1 của Điều 3 của Quyết định này và giảm 20% mức giá tại khoản 2 Điều 3 của Quyết định này.

b) Hộ nghèo (có sổ hộ nghèo) khi đăng ký đất đai, cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất lần đầu được giảm 50% mức giá tại khoản 1 Điều 3 của Quyết định này.

c) Hộ gia đình, cá nhân ở vùng cao, vùng sâu và xa (không phải hộ nghèo) khi đăng ký đất đai, cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất lần đầu được giảm 20% mức giá tại khoản 1 Điều 3 của Quyết định này”.

Điều 3 quy định mức giá dịch vụ công trong lĩnh vực đất đai như sau:

“1. Mức giá dịch vụ đăng ký đất đai, tài sản gắn liền với đất; cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất trên địa bàn tỉnh Tuyên Quang theo Phụ lục số 01 kèm theo Quyết định này.

2. Mức giá dịch vụ giải quyết các thủ tục cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất đến tận nhà, nơi ở của chủ sử dụng đất trên địa bàn tỉnh Tuyên Quang theo Phụ lục số 02 kèm theo Quyết định này.

3. Mức giá dịch vụ trích đo địa chính thửa đất, trích lục hồ sơ địa chính và chỉnh lý bản đồ địa chính áp dụng theo Quyết định số 28/2019/QĐ-UBND ngày 16/10/2019 của Ủy ban nhân dân tỉnh Tuyên Quang về ban hành Đơn giá Đo đạc lập bản đồ địa chính, đăng ký đất đai, tài sản gắn liền với đất, lập hồ sơ địa chính, cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất trên địa bàn tỉnh Tuyên Quang”.

Như vậy, trường hợp Thương binh, bệnh binh có tỷ lệ thương tật **dưới 81%** được **giảm 50%** mức giá dịch vụ đăng ký đất đai, tài sản gắn liền với đất;

cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất trên địa bàn tỉnh Tuyên Quang; đồng thời được **giảm 20%** mức giá dịch vụ giải quyết các thủ tục cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất đến tận nhà, nơi ở của chủ sử dụng đất trên địa bàn tỉnh Tuyên Quang. Tuy nhiên trường hợp Thương binh, bệnh binh có tỷ lệ suy giảm khả năng lao động do thương tật, bệnh tật **từ 81%** trở lên lại chỉ được hưởng chính sách **miễn 100%** đối với mức giá dịch vụ đăng ký đất đai, tài sản gắn liền với đất; cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất trên địa bàn tỉnh Tuyên Quang mà không được hưởng chính sách ưu đãi đối với dịch vụ giải quyết các thủ tục cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất đến tận nhà, nơi ở của chủ sử dụng đất. Đề nghị nghiên cứu, sửa đổi, bổ sung đảm bảo sự tương quan trong quy định về chính sách ưu đãi giữa 02 nhóm đối tượng nêu trên.

3. Thể thức, kỹ thuật soạn thảo văn bản

Đề nghị tiếp tục rà soát chỉnh sửa lỗi chính tả, thể thức, kỹ thuật trình bày dự thảo văn bản cho phù hợp với quy định của Nghị định số 34/2016/NĐ-CP ngày 14/5/2016 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều và biện pháp thi hành Luật ban hành văn bản quy phạm pháp luật (*được sửa đổi, bổ sung tại Nghị định số 154/2020/NĐ-CP*).

III. KẾT LUẬN

1. Đề nghị cơ quan soạn thảo tiếp thu ý kiến thẩm định nêu tại Phần II Báo cáo thẩm định này; tiếp tục rà soát để chỉnh sửa, hoàn chỉnh dự thảo Quyết định cho phù hợp.

2. Sau khi hoàn chỉnh theo khoản 1 Mục III Báo cáo này, dự thảo Quyết định đủ điều kiện trình UBND tỉnh theo quy định.

Trên đây là báo cáo thẩm định của Sở Tư pháp về dự thảo Quyết định của Ủy ban nhân dân tỉnh ban hành đơn giá dịch vụ công trong lĩnh vực đất đai (không bao gồm phí và lệ phí) trên địa bàn tỉnh Tuyên Quang./.

Nơi nhận:

- UBND tỉnh (báo cáo);
 - Sở Tài nguyên và Môi trường;
 - Sở Tài chính;
 - Giám đốc Sở;
 - Trang TTĐT STP;
 - Lưu: VT, XDKTTHPL&PBGDPL.
- N.H.Huong.07b.

GIÁM ĐỐC

Nguyễn Thị Thuộc